

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng trung tâm xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2050

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ xây dựng quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng trung tâm xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn;

Căn cứ Quyết định số 2342/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng trung tâm xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn giai đoạn 2020-2030 định hướng đến năm 2040; Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh một số nội dung nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng trung tâm xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn;

Căn cứ Công văn số 372-CV/BCSD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Thông báo số 300-TB/TU ngày 26 tháng 6 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 984/TTr-SXD ngày 11 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng trung tâm xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2050 với các nội dung sau:

1. Tên đề án: Đề án điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng trung tâm xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2050.

2. Phạm vi và ranh giới lập điều chỉnh, mở rộng quy hoạch.

- Phạm vi điều chỉnh quy hoạch gồm toàn bộ khu vực trung tâm xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn có tổng diện tích 196ha.

- Phạm vi mở rộng quy hoạch về phía Tây Bắc là 36ha; mở rộng về phía Đông Nam là 51,2ha và mở rộng về phía Đông Bắc là 10,8ha.

- Tổng diện tích nghiên cứu điều chỉnh, mở rộng quy hoạch trung tâm xã Vân Tùng là 294ha. Ranh giới cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp đèo Khau Khang.

+ Phía Nam giáp chân đèo Gió và tuyến đường Hồ Chí Minh mới xây dựng.

+ Phía Đông giáp khu đồi cao, một phần giáp tuyến đường Hồ Chí Minh mới xây dựng.

+ Phía Tây giáp dãy núi cao có tuyến đường mòn nối với đường đi xã Cốc Đán.

3. Tính chất, chức năng và động lực phát triển đô thị.

- Tính chất đô thị: Là trung tâm huyện lỵ, trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, giáo dục, thương mại, dịch vụ của huyện Ngân Sơn.

- Chức năng: Là đô thị hạt nhân vùng có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội vùng huyện Ngân Sơn và vùng phía Bắc của tỉnh Bắc Kạn.

- Động lực phát triển đô thị: Thương mại, dịch vụ, du lịch sinh thái, công nghiệp khai thác chế biến lâm sản.

4. Quy mô dân số, đất đai.

4.1. Dự báo quy mô dân số.

- Dân số toàn xã Vân Tùng: Hiện trạng 3.474 người, đến năm 2030 khoảng 8.000 người, định hướng đến năm 2050 khoảng 15.000 người.

- Dân số trung tâm xã Vân Tùng (tính trong phạm vi lập quy hoạch): Dân số hiện trạng 2.310 người, dự báo đến năm 2030 khoảng 5.600 người, định hướng đến năm 2050 khoảng 12.000 người.

4.2. Quy mô đất đai.

- Đến năm 2030 diện tích đất xây dựng đô thị là 118,70ha; trong đó đất dân dụng là 75,57ha, đất ngoài dân dụng là 43,13ha, đất khác là 175,30ha.

- Định hướng đến năm 2050 diện tích đất xây dựng đô thị là 204,05ha; trong đó đất dân dụng là 133,55ha, đất ngoài dân dụng là 70,51ha, đất khác là 89,94ha.

5. Cơ cấu sử dụng đất.

Bảng cơ cấu sử dụng đất quy hoạch.

STT	Hạng mục	Quy hoạch đến năm 2030		Định hướng Quy hoạch đến năm 2050	
		ha	%	ha	%
	Tổng diện tích đất tự nhiên	294,00		294,00	
	- Đất xây dựng đô thị	118,70	40,37	204,05	69,41
	- Đất khác	175,30	59,63	89,94	30,59
A	Tổng diện tích đất xây dựng đô thị	118,70	100,00	204,05	100,00
I	Đất dân dụng	75,57	63,63	133,55	65,45
1	Đất các đơn vị ở	40,22	33,89	70,78	34,69
2	Đất CTCC đô thị	6,99	5,89	14,51	7,11
3	Đất cây xanh, TDTT	9,95	8,38	14,58	7,15
4	Đất giao thông đô thị	18,40	15,47	33,67	16,50
II	Đất ngoài dân dụng	43,13	36,38	70,51	34,55
1	Cơ quan, trường chuyên nghiệp	7,51	6,33	7,51	3,68
2	Đất Giáo dục	4,54	3,82	4,54	2,22
3	Đất y tế (bệnh viện Đa khoa)	2,27	1,91	2,27	1,11
4	Đất giao thông đối ngoại	3,06	2,57	6,61	3,24
5	Cây xanh sinh thái, Cây xanh cách ly	16,99	14,31	40,80	20,00
6	Đất an ninh quốc phòng	8,05	6,82	8,05	3,94
7	Đất đầu mối HTKT	0,73	0,62	0,73	0,36
B	Đất khác	175,30	100,00	89,94	100,00
1	Đất nông nghiệp	35,78	20,41	3,99	4,44
2	Đất lâm nghiệp (đồi núi)	128,01	73,02	74,73	83,09
3	Diện tích mặt nước sông suối	11,51	6,57	11,22	12,47

6. Định hướng phát triển đô thị.

Dựa trên cơ sở hạ tầng, không gian và địa hình đô thị hiện có, định hướng phát triển đô thị như sau:

- Nhằm nâng cấp xã Vân Tùng trở thành thị trấn đảm bảo theo tiêu chuẩn đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 1211/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 25 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, đề xuất nâng cấp toàn bộ xã Vân Tùng hiện nay trở thành thị trấn Vân Tùng với tổng diện tích tự nhiên toàn thị trấn là 5.110 ha (51,10km²), trong đó phạm vi lập quy hoạch là 294ha (2,94km²) là trung tâm thị trấn Vân Tùng.

Mở tuyến đường trục chính đô thị nối từ đường Hồ Chí Minh tại phía Đông Nam vào trung tâm đô thị làm trục chính để phát triển đô thị. Hệ thống đường đô thị được thiết kế dựa vào mạng lưới đường hiện trạng được cải tạo nâng cấp thành đường đô thị. Tại khu vực mở rộng thiết kế mạng lưới đường theo dạng ô bàn cờ. Bố trí khu quảng trường, trung tâm văn hóa, trung tâm thể dục thể thao và các công trình dịch vụ hỗn hợp, thương mại tạo điểm nhấn kiến trúc cảnh quan cho đô thị. Tận dụng tối đa không gian của suối Ngân Sơn hiện có tạo không gian thoáng cho toàn đô thị.

- Cải tạo, xây dựng khu trung tâm hành chính tập trung của huyện tại khu vực phía Bắc và Đông Bắc, tạo động lực thu hút các loại hình dịch vụ, gắn với các khu vực phát triển dân cư mới. Xây dựng công viên hồ nước sinh thái tại khu trung tâm hành chính tạo thành lõi xanh tại trung tâm đô thị.

- Các khu dân cư hiện hữu được cải tạo, kết hợp chỉnh trang theo hướng bổ sung, tăng cường hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hạ tầng xã hội, đặc biệt là không gian công cộng. Ôn định các khu chức năng đã có, cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp (tăng mật độ xây dựng; nâng chiều cao tầng).

- Các khu ở mới được phát triển theo nguyên tắc lan tỏa, xen lán dựa vào các khu vực dân cư hiện hữu trong khu vực. Các khu dân cư mật độ cao được hình thành dọc các tuyến đường nội thị nhằm tăng khả năng phát triển các loại hình dịch vụ của địa phương, gắn với lợi thế về kết nối giao thông. Tại khu vực đồi cao có cảnh quan tự nhiên đẹp, tận dụng xây dựng khu ở mật độ thấp để tạo cảnh quan nhằm kết nối giữa cảnh tự nhiên và cảnh quan không gian đô thị.

7. Định hướng phát triển không gian và phân các khu vực chức năng trong đô thị.

7.1. Khu vực phía Tây Bắc (phân khu A).

- Phạm vi: Giới hạn bởi phía Tây Quốc lộ 3, từ suối Vân Tùng cho đến đỉnh núi phía Bắc (chân Đèo Khau Khang), chân núi phía Tây.

- Quy mô đất đai các khu chức năng trong khu đến năm 2030 là 9,73ha; đến năm 2050 là: 14,66 ha.

- Quy mô dân số đến năm 2030 khoảng 800 người; dự báo đến năm 2050 là 1.900 người.

- Mật độ xây dựng: 30-35%.

- Tầng cao trung bình: 2,5-3 tầng.

- Tính chất: Là khu đô thị xây mới và cải tạo.

- Các khu chức năng: Khu ở hiện trạng, khu ở mới, khu dịch vụ công cộng và khu cây xanh.

7.2. Khu vực phía Bắc và Đông Bắc (phân khu B).

- Phạm vi: Giới hạn bởi phía Đông Quốc lộ 3, từ suối Vân Tùng cho đến đỉnh núi phía Bắc, chân núi phía Đông.

- Quy mô đất đai các khu chức năng trong khu đến năm 2030 là 29,82ha; đến năm 2050 là 32,58ha.

- Quy mô dân số đến năm 2030 khoảng 2.160 người; dự báo đến năm 2050 khoảng 2.890 người.

- Mật độ xây dựng: 30-35%.

- Tầng cao trung bình: 2-5 tầng.
- Tính chất: Là khu hành chính của huyện bao gồm dân cư hiện có và phát triển mới.
- Các khu chức năng: Khu vực này bố trí các khu đất cơ quan, khu ở hiện trạng, khu ở mới, khu ở mật độ thấp; khu dịch vụ công cộng, khu công viên hồ nước sinh thái và khu cây xanh.

7.3. Khu vực phía Tây Nam (phân khu C).

- Phạm vi: Giới hạn bởi phía Tây Quốc lộ 3, từ suối Vân Tùng cho đến Quốc lộ 3 (chân Đèo Gió), chân núi phía Tây.
- Quy mô đất đai các khu chức năng trong khu đến năm 2030 là 7,45ha; đến năm 2050 là 30,31 ha.
- Quy mô dân số đến năm 2030 khoảng 1.100 người; dự báo đến năm 2050 khoảng 3.110 người.
- Mật độ xây dựng: 30-35%.
- Tầng cao trung bình: 2,5-3 tầng.
- Tính chất: Là khu đô thị xây mới và cải tạo.
- Các khu chức năng: Khu ở hiện trạng, khu ở mới, khu dịch vụ công cộng và khu cây xanh.

7.4. Khu vực phía Đông Nam (phân khu D).

- Phạm vi: Giới hạn bởi phía Đông Quốc lộ 3, từ suối Vân Tùng ở phía Bắc đến đường Hồ Chí Minh ở phía Đông và Đông Nam.
- Quy mô đất đai các khu chức năng trong khu đến năm 2030 là 38,45ha; đến năm 2050 là 62,10 ha.
- Quy mô dân số đến năm 2030 khoảng 1.560 người; dự báo đến năm 2050 khoảng 4.150 người.
- Mật độ xây dựng: 30-35%.
- Tầng cao trung bình: 2,5-3 tầng.
- Tính chất: Là khu văn hóa thể dục, thể thao và khu đô thị xây mới và cải tạo.
- Các khu chức năng: Khu ở hiện trạng, khu ở mới, khu văn hóa, thể dục thể thao, khu dịch vụ thương mại, khu công trình dịch vụ cấp đô thị và khu cây xanh.

8. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

8.1. Chuẩn bị kỹ thuật, thoát nước mưa.

- Giải pháp san nền: San nền cục bộ, giạt cấp theo từng tổ hợp công trình của từng khu vực, hạn chế san gạt đồi núi; chủ yếu cân bằng đào đắp, tôn trọng địa hình tự nhiên, đảm bảo cảnh quan tự nhiên và môi trường. Đối với khu vực hiện trạng cơ bản giữ nguyên cao độ hiện có.

- Giải pháp thoát nước mưa: Mạng lưới thoát nước mưa trong khu vực được thiết kế riêng rẽ với mạng lưới thoát nước thải; lưu vực thoát nước chính là suối Vân Tùng. Hệ thống thoát nước mưa chủ yếu theo các rãnh dọc trên vỉa hè hai bên đường giao thông, kết hợp bố trí các giếng thu, hố ga, độ dốc dọc thiết kế của rãnh $> 0,005$.

- Các giải pháp chuẩn bị kỹ thuật khác:

+ Nạo vét và khơi thông lòng suối, tạo cảnh quan môi trường và thoát nước cho khu vực.

+ Xây dựng hệ thống kè cảnh quan dọc hai bên các suối đoạn qua khu vực thiết kế.

+ Xây dựng hệ thống tường chắn hay ta luy khi xây dựng nhà trên sườn đồi để tránh sạt lở đất khi mùa mưa lũ đến.

8.2. Hệ thống giao thông.

- Giao thông đối ngoại:

+ Quốc lộ 3 đi Cao Bằng có lộ giới 17,0m.

+ Tuyến đường Hồ Chí Minh nằm phía Đông Nam, phía Đông (điểm đầu từ Quốc lộ 3, hướng đi Cao Bằng): Có lộ giới 16,5m; trong tương lai (sau năm 2050) nâng cấp mặt cắt ngang có lộ giới 27,0m.

- Giao thông đô thị:

+ Xây mới tuyến đường nối từ đường Hồ Chí Minh vào trung tâm đô thị làm trục trung tâm để phát triển đô thị, mặt cắt ngang 27,0m.

+ Mở rộng mặt cắt ngang tuyến Quốc lộ 3 đoạn qua trung tâm đô thị lên 17,0m.

+ Mở rộng mặt cắt ngang tuyến đường từ đường Hồ Chí Minh đi vào khu trung tâm, đầu nối vào đường nghĩa trang đi lâm trường lên 16,5m.

- Giao thông đối nội: Mạng lưới đường chính được tổ chức theo dạng đường vòng theo địa hình, kết hợp mạng lưới dạng ô cờ; mạng lưới đường nội bộ có quy mô lộ giới 13,5m.

- Bến xe + bãi đỗ xe: Bố trí 01 bến xe khách tại phía Đông Nam, cạnh đường Hồ Chí Minh, quy mô bãi đỗ xe 0,62 ha, kết hợp với khu trưng bày giới thiệu sản phẩm đặc trưng của địa phương. Các công trình công cộng, khu vui chơi giải trí,... bố trí các bãi đỗ xe đảm bảo diện tích theo quy chuẩn hiện hành.

8.3. Hệ thống cấp nước.

- Nhu cầu dùng nước: Tổng nhu cầu dùng nước giai đoạn đầu (năm 2030): 1.400 m³/ngđ; giai đoạn dài hạn (năm 2050): 2.400 m³/ngđ.

- Nguồn nước: Nước mặt tại suối có nguồn từ khe núi tại thôn Tân Ý 2 đảm bảo lưu lượng, chất lượng để cấp nước cho đô thị.

- Giải pháp cấp nước: Trạm xử lý nước sạch được đặt trên đồi các thuộc thôn Tân Ý 1 (cao độ +540m), nước sạch đô thị được bơm vào mạng lưới cấp nước qua đường ống phân phối, đường ống dịch vụ, cấp cho các đối tượng dùng

nước. Giai đoạn dài hạn khi đô thị được mở rộng cần bố trí bể nước đặt tại khu đồi cao để điều hòa áp lực cấp nước.

- Mạng lưới đường ống: Thiết kế mạng lưới đường ống theo mạng vòng kết hợp nhánh.

- Hệ thống cấp nước cứu hoả: Được thiết kế chung với mạng lưới cấp nước sinh hoạt; tại các vị trí ngã 3, ngã 4 bố trí các trụ nổi để thuận tiện cho xe lấy nước chữa cháy.

8.4. Hệ thống cấp điện.

- Nhu cầu dùng điện: Giai đoạn đầu (năm 2030) khoảng 1.780kVA; giai đoạn dài hạn (năm 2050) khoảng 5.900kVA.

- Nguồn điện: Nguồn điện cung cấp cho trung tâm xã Vân Tùng do nguồn điện của mạng lưới quốc gia, đường dây 35kV Bắc Kạn - Ngân Sơn. Trong tương lai lấy từ nguồn điện từ trạm 110kV Nà Phặc.

- Trạm biến áp, lưới điện 35kV, lưới điện 0,4kV, lưới chiếu sáng: Cải tạo, nâng cấp phù hợp với công suất sử dụng điện, phạm vi phục vụ và đảm bảo mỹ quan đô thị.

8.5. Hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

- Tổng lưu lượng nước thải: Giai đoạn đầu (năm 2030) khoảng 605m³/ngđ; giai đoạn dài hạn (năm 2050) khoảng 1.555m³/ngđ.

- Giải pháp quy hoạch: Quy hoạch mạng lưới thu gom nước thải riêng rẽ với mạng lưới thoát nước mặt để đảm bảo vệ sinh môi trường. Hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý nước thải theo dạng phân tán theo từng khu phù hợp với từng địa hình.

- Chất thải rắn: Rác thải sinh hoạt và chất thải rắn của đô thị được thu gom về khu xử lý hiện có, rác thải được xử lý bằng công nghệ đốt, tái chế, hạn chế chôn lấp để tránh làm ô nhiễm môi trường. Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trung bình khoảng 1,0kg/người.ngđ; tổng lượng rác thải sinh hoạt đợt đầu (2030) khoảng 5,6 tấn/ngày; dài hạn (2050) khoảng 12 tấn/ ngày.

- Bùn thải: Bùn thải được thu gom về các khu xử lý, tại các khu xử lý nước thải bố trí các sân phơi bùn để xử lý. Lưu lượng bùn thải phát sinh bình quân là 0,05m³/người/năm. Tổng lượng bùn thải đợt đầu (2030) khoảng 280 m³/năm; dài hạn (2050) khoảng 600m³/ năm.

- Nghĩa trang nhân dân: Được bố trí ngoài khu vực lập quy hoạch, dự kiến quy mô diện tích khoảng 1,0ha.

8.6. Hệ thống thông tin liên lạc.

- Xây dựng và phát triển hạ tầng viễn thông với công nghệ hiện đại, độ phủ rộng khắp, tốc độ và chất lượng cao.

- Phát triển nhanh mạng lưới và các dịch vụ mới nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, bảo đảm cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin cho các hoạt động ứng dụng

viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình, đặc biệt là trong việc thúc đẩy phát triển Chính phủ điện tử, thương mại điện tử.

9. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn đầu (đến năm 2030) và các nguồn lực thực hiện.

9.1. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư.

- Tổ chức lập các đề án quy hoạch chi tiết làm cơ sở để triển khai các dự án đầu tư phát triển đô thị, đồng thời xây dựng quy chế quản lý kiến trúc để quản lý.

- Xây dựng bệnh viện đa khoa tại vị trí phía Đông Nam giáp đường Hồ Chí Minh.

- Xây dựng trường mầm non, trường PTDT nội trú tại vị trí theo quy hoạch; cải tạo, mở rộng các trường hiện có nhằm đáp ứng nhu cầu học tập cho học sinh trong huyện và trong đô thị.

- Xây dựng quảng trường tại vị trí sát cầu Ngân Sơn hiện nay đáp ứng nhu cầu tổ chức các hoạt động văn hóa cho người dân địa phương và của huyện.

- Đầu tư xây dựng hợp khối tại khu trung tâm hành chính tại vị trí hiện có; mở rộng, chỉnh trang, xây dựng mới một số cơ quan nhằm đáp ứng nhu cầu làm việc và giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân.

- Xây dựng công viên hồ nước sinh thái để tạo không gian thoáng mát, tạo cảnh quan cho đô thị tại vị trí phía sau khu hành chính theo quy hoạch.

- Xây dựng tổ hợp sân vận động, nhà thi đấu thể thao phục vụ tổ chức các hoạt động thể dục thể thao của huyện tại vị trí theo quy hoạch.

- Xây dựng bến xe khách kết hợp với khu trung bày giới thiệu sản phẩm tại vị trí phía Đông Nam, giáp tuyến đường Hồ Chí Minh.

- Chỉnh trang, mở rộng xây dựng chợ trung tâm tại vị trí hiện nay nhằm đảm bảo nhu cầu cho người dân địa phương.

- Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật với hạ tầng xã hội nhằm phát triển đô thị bền vững trong tương lai.

9.2. Nguồn lực thực hiện.

- Tổng kinh phí xây dựng và phát triển đô thị đến năm 2030 khoảng 926,1 tỷ đồng.

Trong đó:

+ Xây dựng công trình hạ tầng xã hội khoảng 535 tỷ đồng.

+ Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khoảng 391,1 tỷ đồng.

- Nguồn vốn sử dụng đầu tư xây dựng phát triển đô thị gồm nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, vốn vay, vốn tài trợ, vốn huy động, vốn doanh nghiệp, vốn tư nhân, khuyến khích theo hướng xã hội hóa; vốn nhà nước và nhân dân cùng làm, vốn nước ngoài, vốn từ nguồn khai thác hạ tầng; vốn do nhân dân tự đầu tư xây dựng nhà ở và đóng góp,...

10. Tổ chức thực hiện.

10.1. UBND huyện Ngân Sơn

- Chịu trách nhiệm tổ chức công bố quy hoạch và đưa mốc giới ra ngoài thực địa ngay sau khi đồ án được phê duyệt, có trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện theo đúng quy hoạch được duyệt.

- Tổ chức lập quy chế quản lý kiến trúc, lập các đồ án quy hoạch chi tiết phù hợp với quy hoạch chung được duyệt làm cơ sở quản lý đất đai, quản lý kiến trúc đô thị và kêu gọi vốn đầu tư để phát triển đô thị.

- Lập chương trình dài hạn và các kế hoạch ngắn hạn hàng năm thực hiện đầu tư, phát triển và nâng cấp đô thị.

- Xây dựng các chính sách khuyến khích đầu tư phát triển đô thị theo hướng xã hội hóa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

10.2. Sở Xây dựng: Thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực quy hoạch xây dựng; kiểm tra, đôn đốc hướng dẫn việc quản lý và thực hiện quy hoạch.

10.3. Sở Tài nguyên và Môi trường: Thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực đất đai và môi trường trong đô thị; kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng đất đai trong đô thị theo quy hoạch được duyệt.

10.4. Các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị chức năng có liên quan: Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp thực hiện tốt quy hoạch.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn có trách nhiệm tổ chức thực hiện các thủ tục tiếp theo đảm bảo đúng quy định hiện hành.


Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Công Thương; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PCVP (ô. Nguyễn).

Gửi bản giấy + điện tử:

- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu: VT, TTCB-TH, Huân. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Đinh Quang Tuyên